

Bản án số: 78/2024/HS-PT

Ngày: 29 - 01 - 2024

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 879/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Trần Hữu H. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2022/HS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Hữu H, sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (hiện nay là số H, đường D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn D (đã chết) và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2011 đến ngày 14/6/2012 được áp dụng biện pháp đi chữa bệnh bắt buộc đến ngày 27/3/2017; bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2017 đến ngày 10/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949, thường trú: Số E, khu phố I, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (là mẹ ruột).

Người đại diện theo ủy quyền của bà C:

1.1 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; thường trú: Số H, đường D, khu A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt);

(Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2018)

1.2 Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965; thường trú: 618 ấp B, khu phố C, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

(Giấy ủy quyền ngày 19/9/2022).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; thường trú: Số H, đường D, khu A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (là vợ) (có mặt);

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Đoàn Trọng N1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968; thường trú: Khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt);

2. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1983; thường trú: Số A, khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt);

3. Võ Thanh S, sinh năm 1987 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Võ Thanh S:

1. Ông Võ Văn N2, sinh năm 1955 và bà Võ Thị N3, sinh năm 1957; thường trú: Số A, khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương (đều có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988; thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Võ Tấn L, sinh ngày 12/02/2007 (vắng mặt);

Thường trú: khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp cho Võ Tấn L: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang;

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn Lâm S1; sinh năm 1983 (vắng mặt);

2. Ông Lý Phước T2, sinh năm 1985 (vắng mặt);

3. Ông Trần Quang T3, sinh năm 1979 (vắng mặt);
4. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1979 (vắng mặt);
5. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968 (vắng mặt);
6. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1983 (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 29/10/2008, ông Nguyễn Văn H1 tổ chức tiệc cưới và thuê ban nhạc của ông Nguyễn Văn H2 để phục vụ đám cưới. Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi khách đến dự đám cưới ra về gần hết, còn lại một số người ngồi ở 02 bàn cách dàn nhạc khoảng 02m gồm Nguyễn Văn S2, Nguyễn Tấn C1, Võ Thanh S, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn H3, Phạm Văn K và một số người khác (không rõ nhân thân, lai lịch). Do gia đình ông H1 thỏa thuận với ông H2 là ban nhạc phục vụ đến 13 giờ thì nghỉ nên ông S (là anh ruột của chú rể) thỏa thuận với ông H2 và yêu cầu ban nhạc phục vụ thêm 01 tiếng nữa, đồng thời ông S đưa thêm cho ông H2 200.000 đồng. Ông H2 nói Trương Văn D2, Bùi Văn K1, Nguyễn Trung H4 là những người làm thuê cho mình phục vụ thêm 01 tiếng đồng hồ nữa. Trong lúc những người khách đang ăn uống, ca hát thì có 01 người làm bìa phun ra tung tóe dính lên dàn máy của ban nhạc nên ông Bùi Văn K1 tắt nhạc, ông H4 là người chơi đàn organ cũng cất đàn.

Do ban nhạc dừng phục vụ nên một số người trong bàn tiệc đến cãi vã với ông K1 và ông H4, trong đó có 01 người (không rõ nhân thân, lai lịch) cầm chai bìa đập vào cột trụ chống dàn rạp làm bìa bể văng mảnh thủy tinh trúng vào ngón trỏ tay phải và trên ngực trái của ông D2 gây rách da, chảy máu, còn ông Bùi Văn K1 bị xước da vành tai phải. Thấy vậy, ông H2 đi đến phía trước tiệc cưới gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Lâm S1 (em ruột của ông H2) đến để chở dàn nhạc về, ông Bùi Văn K1 đi bộ ra đường nhựa cách đám cưới khoảng 200m ngồi chờ còn ông D2 sau khi bị thương được ông H3 đưa vào trong nhà ông H1 để lau rửa, băng bó vết thương, những người khách trong bàn tiệc tiếp tục ăn uống.

Sau khi nhận được điện thoại của ông H2, Nguyễn Văn Lâm S1 đi đến nhà Trần Hữu H nhờ H cùng Lý Phước T2, Trần Quang T3 cùng đi đến đám cưới để chở dàn nhạc về. Ông T3, T2 và H lên xe ô tô tải biển số 61L-2716 do ông S1 điều khiển đến đám cưới. Khi đến nơi, cả 04 người xuống xe và đi vào bên trong rạp đám cưới, ông S1 và H đến chỗ dàn loa bên phải, còn ông T2, T3 đi đến gần 02 bàn có khách đang ngồi ăn uống thì có 01 người thanh niên (không xác định được nhân thân, lai lịch) hỏi ông T2 và T3 đi đâu thì T2 trả lời “đi theo mấy anh

kia để lấy dàn nhạc đem về”, vừa nói ông T2 chỉ tay về hướng ông S1 và H. Người thanh niên này tiếp tục nói ông T2 và T3 không phải là chủ dàn nhạc thì không cho lấy và đuổi cả 02 người đi ra ngoài. Ông T2 và T3 đi ra ngoài cách cổng rạp khoảng 03 – 04 m đứng lại, cũng vào lúc này thì H bị Võ Thanh S và Nguyễn Tấn C1 dùng tay đẩy H và S1 ra đến cổng rạp đám cưới. Khi đến chỗ ông T2 và T3 đang đứng thì H nói “hai anh lên xe ngồi trước, em dứt cái rồi lên”, ông T2 và T3 đi đến xe tải mở cửa phụ rồi lên xe ngồi, còn ông S1 cũng đi đến đứng sát cửa bên trái xe ô tô. Trong lúc ông S, C1 đứng lại thì ông C1 bị đâm 01 nhát trúng vào vùng bụng (chưa xác định được ai đâm) nên ông C1 lấy tay ôm bụng và chạy vào bên trong bàn nơi những người khách đang ngồi ăn uống báo cho mọi người biết là ông C1 bị đâm. Lúc này, ông Phạm Văn K chạy ra nhìn thấy H đang dùng tay kẹp cổ ông S, một tay dùng dao nhọn đâm nhiều nhát vào vùng nách trái, sống lưng, bả vai trái và gai chậu trái của ông S. Ông Nguyễn Văn Q, Phạm Văn K và những người còn lại trong bàn tiệc đuổi theo H thì H bỏ chạy xuống bờ ruộng rồi leo qua hàng rào chạy vào nhà bà Nguyễn Thị G và vào bếp lấy 01 dao phay dài khoảng 40 cm cầm trên tay rồi tiếp tục chạy đến phía sau nhà ông Nguyễn Tấn C1. Lúc này ông Q không đuổi theo H nữa mà đi về nhà để báo cho mẹ ruột biết việc ông C1 bị đâm (mẹ ông Q ở chung nhà với ông C1) thì ông Q nhìn thấy H đang ở phía sau nhà ông C1 nên truy hô thì bị H cầm dao xông đến chém về hướng trước mặt ông Q, ông Q đưa tay trái lên đỡ và nắm được lưỡi dao nhưng H giật được dao và tiếp tục cầm dao chém. Lúc này, ông Phạm Văn K chạy đến hỗ trợ ông Q thì H cầm dao chém 01 nhát trúng vào vùng đầu ông K rồi H cầm dao chạy vào nhà tắm của ông C1 để trốn. Ông K bị chém vào đầu nên chạy ra ngoài đường thì được ông D1 vừa chạy xe mô tô đến chở đến nhà ông Nguyễn Văn L1 để băng bó vết thương.

Những người dân ở khu vực xung quanh nhà ông C1 nghe tiếng truy hô, đánh nhau liền chạy đến phát hiện H đang trốn trong nhà tắm đã dùng cây, gậy gỗ đánh H bị thương tích nặng đồng thời dùng dây kẽm trói H lại (không xác định được những ai đánh H) và điện báo Công an phường T đến đưa H đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh B.

Võ Thanh S sau khi bị đâm tại tiệc đám cưới đã được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh B nhưng do thương tích quá nặng nên đã tử vong.

Kết luận giám định pháp y số 198/KLGD ngày 29/10/2008 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh B kết luận nguyên nhân tử vong của Nguyễn Thanh S3 là do vật sắc nhọn gây tổn thương mạch máu và phổi gây choáng mất máu, suy hô hấp dẫn tới chết.

Kết luận giám định pháp y số 92/KLGD ngày 18/3/2010 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Bình Dương kết luận tỷ lệ mất sức lao động do thương tích gây nên của Nguyễn Tấn C1 là 25%.

Kết luận giám định pháp y số 94/KLGD ngày 18/3/2010 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Bình Dương kết luận tỷ lệ mất sức lao động do thương tích gây nên của Phạm Văn K là 04%.

Kết luận giám định pháp y số 208/KLGD ngày 08/7/2010 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Bình Dương kết luận tỷ lệ mất sức lao động do thương tích gây nên của Nguyễn Văn Q là 04%.

Kết luận giám định pháp y số 52/KLGD ngày 04/3/2010 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Bình Dương kết luận tỷ lệ mất sức lao động do thương tích gây nên của Trần Hữu H là 25%.

Vật chứng, đồ vật thu giữ:

- 06 (sáu) đoạn gỗ kích thước (33x03) cm, (22x03) cm, (54x3,5) cm, (70x04) cm, (40x03) cm, (27x03) cm.

- 02 (hai) đoạn dây kẽm kích thước (120x0,3) cm và kích thước (23x0,1) cm.

- 01 (một) dao phay dài 40 cm, cán bằng gỗ tròn, dài 11,8 cm, đường kính 3,2 cm, lưỡi mũi nhọn, chỗ rộng nhất 6,8 cm.

- 01 (một) dao Thái Lan, dài 20 cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ.

- 01 (một) đầu vỏ chai bia S đỏ.

Quá trình điều tra, Trần Hữu H có biểu hiện bị bệnh động kinh. Ngày 02/7/2010, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với Trần Hữu H. Bản kết luận giám định số 419/PYTT ngày 12/8/2010 của Viện giám định Pháp y tâm thần Trung ương - Phân viện phía N4 kết luận:

Về y học:

- Trước, trong và sau khi gây án: Chưa có bệnh tâm thần.

- Sau khi gây án và hiện nay: Suy não sau chấn thương kèm biến đổi nhân cách.

Về pháp luật:

Đương sự gây án trong giai đoạn tỉnh nên có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Hiện tại: Còn biểu hiện suy não sau chấn thương chưa đủ năng lực làm việc với cơ quan pháp luật. Đề nghị cần điều trị bắt buộc một thời gian khi ổn định sẽ tiếp tục làm việc với cơ quan pháp luật.

Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can cùng ngày 08/7/2010 để đưa H đi chữa bệnh bắt buộc.

Biên bản giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 511/PYTT – PVPN ngày 19/7/2011 của Viện giám định Pháp y tâm thần Trung ương - Phân viện phía N4 kết luận: Hiện đã ổn định không cần thiết điều trị bắt buộc nữa.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra quyết định phục hồi điều tra để tiếp tục điều tra.

Khi bị tạm giam, Trần Hữu H có những biểu hiện không bình thường như: Bỏ ăn uống, không nói, không tự chăm sóc bản thân nên được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh B để điều trị. Bệnh viện Đa khoa tỉnh B xác định tình trạng sức khỏe tâm thần của H: Rối loạn tâm thần, biến đổi nhân cách sau chấn thương sọ não có liên quan stress.

Biên bản giám định pháp y tâm thần số 370/PYTT-PVPN ngày 07/6/2012 của Viện giám định Pháp y tâm thần Trung ương - Phân viện phía N4 kết luận:

Về y học:

Hiện nay: Rối loạn sự thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm/suy não sau chấn thương kèm biến đổi nhân cách.

Về pháp luật:

Hiện tại: Chưa đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để điều tra, xét xử. Đề nghị cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh một thời gian, khi nào ổn định sẽ tiếp tục điều tra xét xử.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 03/QĐ-KSĐT ngày 14/6/2012 đối với Trần Hữu H tại N4 – Phân viện phía Nam.

Biên bản giám định pháp y tâm thần số 127/PYTT–PVPN ngày 20/3/2017 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B kết luận: Trần Hữu H bị bệnh rối loạn sự thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm/suy não sau chấn thương kèm biến đổi nhân cách (F43.22/F07.0-ICD.10). Hiện đã ổn định không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đang sự có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Cáo trạng số 48/CT-VKS.P2 ngày 10/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Hữu H về tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 và điểm a, c khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HSST ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 2, Điều 155; Điều 282; Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ vụ án hình sự “Cố ý gây thương tích” đối với bị cáo Trần Hữu H;
Tuyên bố bị cáo Trần Hữu H phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm n khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Trần Hữu H 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giam và khấu trừ thời hạn áp dụng biện pháp đi chữa bệnh bắt buộc từ ngày 27/9/2011 đến ngày 27/3/2017; từ ngày 27/3/2017 đến ngày 10/6/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/4/2019 bị cáo Trần Hữu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Tại Bản án phúc thẩm số 207/2020/HS-PT ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Hủy toàn bộ bản án số 16/2019/HSST ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương để điều tra giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 34/CT-VKS.P2 ngày 15/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Hữu H về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu H phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu H 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giam và khấu trừ thời hạn áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc từ ngày 27/9/2011 đến ngày ngày 27/3/2017 và từ ngày 27/3/2017 đến ngày 10/6/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/3/2022, bị cáo Trần Hữu H có đơn kháng cáo kêu oan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Hữu H và đại diện hợp pháp của bị cáo giữ nguyên kháng cáo, với lý do chỉ có một lời khai duy nhất của ông K để kết tội cho bị cáo là không đủ cơ sở. Quá trình từ khi xảy ra vụ việc đến khi xét xử phúc thẩm, bị cáo và gia đình đều kêu oan. Người gây ra cái chết bị hại S3 và gây thương tích cho bị cáo là cùng một người vì hung khí gây án không thu được và vật chứng thu được trong hồ sơ không liên quan đến cái chết của ông S3. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm đề nghị làm rõ thêm đối tượng gây ra thương tích của bị cáo và của S3.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Mặc dù bị cáo kháng cáo kêu oan, không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng qua các tài liệu, chứng cứ, qua lời khai của những người làm chứng của ông Q, ông K tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Hữu H về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ. Mức hình phạt 12 (mười hai) năm tù là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo H; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Vụ án này đã qua nhiều phiên tòa, nhiều cấp xét xử nhưng có rất nhiều vấn đề chưa được làm rõ. Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất năm 2019 và lần thứ hai năm 2022, Hội đồng xét xử hỏi cùng một nhân chứng, hỏi cùng một câu hỏi nhưng nội dung trả lời khác nhau. Vật chứng không thu được, nhân chứng cũng là bị hại, có quyền lợi đối lập với bị cáo. Vụ án đã xảy ra trong thời gian dài, không có camera ghi lại hình ảnh vụ việc. Vị trí vết thương của bị cáo bị đánh vùng đầu rất nặng, cơ quan điều tra chưa tìm được hung thủ và đã tách ra vụ án khác. Việc tách vụ án không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Như vậy lời khai của người làm chứng

không đáng tin cậy, chứng cứ không đủ kết tội bị cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Ông Võ Văn N2, bà Võ Thị N3 thống nhất trình bày: Lời khai của bị cáo không trung thực, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo H; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung của bản án sơ thẩm thì ngày 29/10/2008, tại tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương), bị cáo Trần Hữu H đã thực hiện hành vi dùng dao đâm nhiều nhất vào vùng ngực ông Võ Thanh S, gây tổn thương mạch máu và phổi, gây choáng mất máu, suy hô hấp dẫn đến tử vong. Trong lúc bị truy đuổi, bị cáo còn dùng dao chém ông Nguyễn Văn Q, ông Phạm Văn K, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 04% cho mỗi người.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Trần Hữu H và đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo kêu oan. Bị cáo cho rằng bị cáo không có hành vi đâm bị hại S. Khi bị cáo tới đám cưới định chở đàn nhạc về thì bị hô hào đánh bị cáo sau đó bị cáo không biết gì nữa.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo H cho rằng bị cáo bị đánh ngất ở đám cưới, không có hành vi đâm bị hại S cũng như không dùng dao chém ông Q và ông K. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị hại, người làm chứng, căn cứ vào biên bản nhận dạng đã có đủ căn cứ xác định bị cáo chính là người vào nhà bà Nguyễn Thị G lấy 01 con dao phay và đã dùng dao chém ông Q và ông K. Nếu sự việc xảy ra như bị cáo khai bị cáo bị đánh bất tỉnh ở đám cưới thì không thể có hành vi như đã nêu trên. Như vậy có thể thấy bị cáo đang quanh co trốn tránh hành vi của mình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo cho rằng lời khai của ông Q và ông K về việc thấy bị cáo đâm bị hại có nhiều mâu thuẫn giữa các lần khai cũng như tại các phiên tòa. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/3/2023, ông K có mặt tại phiên tòa, ông K đã xác định bị cáo chính là người đâm bị hại. Lời khai này của ông K là phù hợp với lời khai ban đầu ở cơ quan điều tra (tại các bút lục số 106, 107, 108, 109, 110), phù hợp với lời khai của những người khác. Ông Q tuy không có mặt ở phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra ông Q cũng đã có lời khai về việc thấy bị cáo là người đâm bị hại S và xác định bị cáo cũng chính là người gây thương tích cho mình và đã có đơn đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của

bị cáo H đối với hành vi gây thương tích cho mình. Tuy sau này ông Q rút đơn yêu cầu nhưng thể hiện lời khai ở cơ quan điều tra của ông Q là có căn cứ vì phù hợp với lời khai của những người khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, tại hồ sơ vụ án, ông T2, ông T3 là bạn của bị cáo, không có mâu thuẫn gì với bị cáo đều khai khi hai ông đang đứng thì H nói “Hai anh lên xe ngồi trước, em dứt cái rồi lên”. Câu nói này của bị cáo hiểu theo cách thức nói chuyện trong cuộc sống bình thường phù hợp với hành vi sau đó của bị cáo là dùng dao đâm bị hại S.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định bị cáo H chính là người đã dùng dao gây ra cái chết của bị hại S như nội dung của bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

[3] Về phần hình phạt: Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như đã xem xét bị cáo bị bệnh rối loạn sự thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm/suy não sau chấn thương kèm biến đổi nhân cách (F43.22/F07.0-ICD.10) nên đã áp dụng điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu và tuyên phạt bị cáo mức án 12 (mười hai) năm tù là phù hợp.

[4] Do bị cáo đã có hành vi gây ra cái chết cho bị hại nên phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Thanh S là ông Võ Văn N2, bà Võ Thị N3, bà Nguyễn Thị T1, cháu Võ Tấn L. Bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường chi phí mai táng, chi phí bù đắp tổn thất về tinh thần tổng số tiền 162.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho con của bị hại S là cháu Võ Tấn L mỗi tháng với số tiền 1.390.000 đồng, việc cấp dưỡng tính từ ngày 29/10/2008 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định.

[5] Về án phí:

Do Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 584, Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2/ Xử phạt bị cáo Trần Hữu H 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giam và khấu trừ thời hạn áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc từ ngày 27/9/2011 đến ngày 27/3/2017 và từ ngày 27/3/2017 đến ngày 10/6/2017.

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Hữu H bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Thanh S là ông Võ Văn N2, bà Võ Thị N3, bà Nguyễn Thị T1, cháu Võ Tấn L chi phí mai táng, chi phí bù đắp tổn thất về tinh thần tổng số tiền 162.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho con của bị hại S là cháu Võ Tấn L mỗi tháng với số tiền 1.390.000 đồng, việc cấp dưỡng tính từ ngày 29/10/2008 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

4/ Về án phí: Bị cáo Trần Hữu H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Nguyễn Hồ Tâm Tú

Trần Thị Hòa Hiệp